

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 3 – 2024

V/v yêu cầu ly hôn, giải
quyết về con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bạch Mai Anh Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, về việc *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc Cẩm T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Số AH đường P, phường K, quận TB, thành phố H – vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn nhận các thủ tục tố tụng: Chị Lê Nguyễn Thị Hồng V.

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng A Chi nhánh E, khối 3, Quốc lộ 26, thị trấn EK, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Nhật Tn, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Tn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận TB, thành phố H, đăng ký ngày 06/12/2019, trong thời gian chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hoà thuận, xảy ra cãi vã, gia đình không hạnh phúc, ảnh hưởng đến cuộc sống của hai bên và việc nuôi dạy con. Đến nay không thể hàn gắn tình cảm, mặc dù đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không tìm được tiếng nói chung, thực tế tôi và anh Lê Nhật Tn đã không còn chung sống từ khoảng năm 2021 cho đến nay. Đến nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Lê Nhật Tn.

Về con chung: Tôi yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Lê Nhật Trường A, sinh ngày 07/11/2019, vì từ khi sinh ra cho đến nay con vẫn sống ổn định cùng tôi, do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu anh Tn phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự khác: Tôi và anh Tn không có nợ chung, nghĩa vụ dân sự khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Ngọc Cẩm T đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Lê Nhật Tn, quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận TB, thành phố H vào ngày 06/12/2019. Trong thời gian đầu chung sống cũng hoà thuận, nhưng khoảng gần hai năm trở lại đây thì giữa chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nhau, thực tế chúng tôi đã không còn chung sống từ khoảng cuối năm 2022 cho đến nay. Chị T yêu cầu được ly hôn với tôi thì tôi đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Lê Nhật Trường A, sinh ngày 07/11/2019, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi con đủ 18 tuổi thì tôi đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu tôi phải cấp dưỡng nuôi con nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi cũng đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho tôi theo địa chỉ là Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Nhật Tn đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Tn.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Nhật Trường A, sinh ngày 07/11/2019 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Tn phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh Tn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Cẩm T, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị T và anh Tn kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận TB, thành phố H vào ngày 06/12/2019, quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của chị T, anh Tn đều cho rằng quá trình chung sống có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn tình cảm, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, có căn cứ xác định, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh Tn xảy ra mâu thuẫn là có thật và kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, thực tế chị T và anh Tn đã không còn chung sống gần hai năm, anh Tn cũng đồng ý ly hôn với chị T nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Tn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Lê Nhật Trường A, sinh ngày 07/11/2019 đến khi con đủ 18 tuổi, thấy rằng, từ khi chị T và anh Tn không còn chung sống, chị T là người trực tiếp nuôi con, anh Tn cũng đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Tn phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Tn đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Ngọc Cẩm T được ly hôn với anh Lê Nhật Tn.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Nhật Trường A, sinh ngày 07/11/2019 cho chị Huỳnh Ngọc Cẩm T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Huỳnh Ngọc Cẩm T không yêu cầu anh Lê Nhật

Tn phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Ngọc Cẩm T và anh Lê Nhật Tn đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Ngọc Cẩm T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0004334 ngày 19/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND phường K, Q. TP, Tp H;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân